

Số: 129 SĐ10/TCKT

"V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo tài chính
của Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015
báo cáo đã được kiểm toán"

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2016

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà nước**

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ Việt Nam.

- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Theo kế hoạch, Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Sông Đà 10.

Nay Công ty cổ phần Sông Đà 10 (Mã chứng khoán SDT) xin gửi bản giải trình chênh lệch giữa số liệu báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC so với số liệu đã công bố như sau:

PHẦN A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

A.1 Bảng cân đối kế toán:

I. Tổng tài sản tăng:

- Số đã công bố:	3.169.170.160.080 đồng
- Số kiểm toán:	3.170.088.228.391 đồng
- Chênh lệch tăng:	918.068.311 đồng

Tổng tài sản tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Các khoản phải thu khác (mã số 130) tăng:

- Số đã công bố:	1.436.584.124.324 đồng
- Số kiểm toán:	1.436.591.499.691 đồng
- Chênh lệch tăng:	7.375.367 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khoản tiền chậm nộp BHXH năm 2016.

2. Tài sản ngắn hạn khác (mã số 150) tăng:

- Số đã công bố:	11.858.874.235 đồng
- Số kiểm toán:	12.282.022.926 đồng
- Chênh lệch tăng:	423.148.691 đồng

Nguyên nhân:

* *Tăng:* 2.469.260.920 đồng

+ Do điều chỉnh thuế GTGT phải nộp vào NSNN từ mã số 153 sang mã số 152 số tiền: 2.046.112.229 đồng.

+ Do xác định bổ sung chi phí y tế công trình 4.918.903 đồng.

+ Do điều chỉnh thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (mã số 153) sang mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313) số tiền: 418.229.788 đồng.

* *Giảm:* 2.046.112.229 đồng

+ Do điều chỉnh thuế GTGT phải nộp vào NSNN từ mã số 153 sang mã số 152 số tiền: 2.046.112.229 đồng

3. Tài sản dài hạn (mã số 200) tăng:

- Số đã công bố: 870.929.909.891 đồng

- Số kiểm toán: 871.417.454.144 đồng

- Chênh lệch tăng: 487.544.253 đồng

Nguyên nhân:

+ Do tăng nguyên giá TSCĐ(mã số 222): 155.200.000 đồng

+ Do tăng giá trị hao mòn (mã số 223): 23.280.000 đồng

+ Do xác định tăng giá trị đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (mã số 252): 779.289.149 đồng.

+ Do tăng dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (mã số 254): 423.664.896 đồng

II. Tổng nguồn vốn tăng:

- Số đã công bố: 3.169.170.160.080 đồng

- Số kiểm toán: 3.170.088.228.391 đồng

- Chênh lệch tăng: 918.068.311 đồng

Tổng nguồn vốn tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311) tăng:

- Số đã công bố: 450.374.949.326 đồng

- Số kiểm toán: 450.596.942.130 đồng

- Chênh lệch tăng: 221.992.804 đồng

Nguyên nhân:

+ Do tăng khoản phí bảo lãnh phải trả TCT Sông Đà: 127.023.429 đồng

+ Do tăng chi phí y tế, an ninh tại công trình Lai Châu: 94.969.375 đồng

2. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (mã số 313) giảm:

- Số đã công bố: 45.425.670.924 đồng

- Số kiểm toán: 45.211.756.263 đồng

- Chênh lệch giảm: 213.914.661 đồng

Nguyên nhân:

*** Tăng: 683.081.825 đồng**

+ Do điều chỉnh thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (mã số 153) sang mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313) số tiền: 418.229.788 đồng.

+ Do tăng khoản thuế phải nộp tại công trình Sơn La: 39.037.975 đồng

+ Do chuyển từ mục phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) khoản phí môi trường phải nộp của Công ty con (Nậm He): 225.814.080 đồng.

*** Giảm: 896.996.486 đồng**, do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

3. Phải trả người lao động (mã số 314) tăng:

- Số đã công bố:	73.655.485.371 đồng
- Số kiểm toán:	75.602.485.371 đồng
- Chênh lệch tăng:	1.947.000.000 đồng

Nguyên nhân: Do xác định bổ sung quỹ tiền lương năm 2016

4. Chi phí phải trả ngắn hạn (mã số 315) tăng:

- Số đã công bố:	51.590.200.629 đồng
- Số kiểm toán:	52.637.565.569 đồng
- Chênh lệch tăng:	1.047.364.940 đồng

Nguyên nhân:

+ Do chuyển từ mục chi phí phải trả dài hạn (mã số 333) của Công ty con (10.1): 1.029.549.969 đồng.

+ Do chuyển từ mục phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) của Công ty con (10.1): 17.814.971 đồng

5. Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) giảm:

- Số đã công bố:	42.474.992.509 đồng
- Sau kiểm toán:	42.231.363.458 đồng
- Chênh lệch giảm:	243.629.051 đồng

Nguyên nhân:

+ Do chuyển sang mục chi phí phải trả ngắn hạn (mã số 315) của Công ty con (10.1): 17.814.971 đồng

+ Do chuyển sang mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313) khoản phí môi trường phải nộp của Công ty con (Nậm He): 225.814.080 đồng.

6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (mã số 320) tăng:

- Số đã công bố:	699.144.858.047 đồng
- Số kiểm toán:	704.644.858.047 đồng
- Chênh lệch tăng:	5.500.000.000 đồng

Nguyên nhân: Do chuyển từ mục nợ dài hạn (mã số 338) sang ngắn hạn của Công ty con (Nậm He)

7. Chi phí phải trả dài hạn (mã số 333) giảm:

- Số đã công bố: 1.029.549.969 đồng
- Số kiểm toán: 0 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.029.549.969 đồng

Nguyên nhân: Do chuyển sang mục chi phí phải trả ngắn hạn (mã số 315) của Công ty con (10.1): 1.029.549.969 đồng.

8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (mã số 338) giảm:

- Số đã công bố: 389.709.973.794 đồng
- Số kiểm toán: 384.209.973.794 đồng
- Chênh lệch giảm: 5.500.000.000 đồng

Nguyên nhân: Do chuyển sang mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (mã số 320) của Công ty con (Nậm He)

9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (mã số 341) tăng:

- Số đã công bố: 0 đồng
- Số kiểm toán: 4.213.981.911 đồng
- Chênh lệch tăng: 4.213.981.911 đồng

Nguyên nhân: Do xác định thuế thu nhập hoãn lại khoản trích dự phòng đầu tư của Công ty mẹ đầu tư vào Công ty con.

6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) giảm:

- Số đã công bố: 108.847.160.959 đồng
- Số kiểm toán: 103.821.983.296 đồng
- Chênh lệch giảm: 5.025.177.663 đồng

Nguyên nhân:

*** Tăng: 779.289.149 đồng**

- Do xác định tăng giá trị đầu tư vào Công ty liên kết : 779.289.149 đồng

*** Giảm: 5.804.466.812 đồng**

- Do tăng thuế thu nhập hoãn lại: 4.213.981.911 đồng

- Do giảm lợi nhuận công ty mẹ: 1.590.484.901 đồng

A.2 Báo cáo kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận trước thuế đã công bố: 91.578.205.688 đồng

Lợi nhuận trước thuế kiểm toán: 110.160.633.858 đồng

Chênh lệch tăng: 18.582.428.170 đồng

Nguyên nhân:

Việc tăng lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của đơn vị do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

1. Giá vốn hàng bán (mã số 11) tăng:

- Số đã công bố: 1.282.547.271.257 đồng

- Số kiểm toán: 1.284.171.151.257 đồng
 - Chênh lệch tăng: 1.623.880.000 đồng
- Nguyên nhân:*
- * Tăng: Do xác định bổ sung chi phí tiền lương: 1.755.800.000 đồng
 - * Giảm: Do giảm chi phí SX chung trong kỳ: 131.920.000 đồng
2. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21) tăng:
- Số đã công bố: 7.677.241.692 đồng
 - Số kiểm toán: 8.759.641.692 đồng
 - Chênh lệch tăng: 1.082.400.000 đồng
- Nguyên nhân:* Do chuyển từ mục phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh (mã số 24) sang.
3. Chi phí tài chính (mã số 22) giảm:
- Số đã công bố: 117.847.253.326 đồng
 - Số kiểm toán: 97.201.008.665 đồng
 - Chênh lệch giảm: 20.646.244.661 đồng
- Nguyên nhân:*
- * **Tăng: 423.664.896 đồng** do trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại công ty mẹ.
 - * **Giảm: 21.069.909.557 đồng**, do chưa loại trừ khoản trích lập dự phòng của công ty mẹ đầu tư vào công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính.
4. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh (mã số 24) giảm:
- Số đã công bố: 1.877.359.939 đồng
 - Số kiểm toán: 794.959.939 đồng
 - Chênh lệch giảm: 1.082.400.000 đồng
- Nguyên nhân:* Do chuyển sang mục doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21)
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 26) tăng:
- Số đã công bố: 111.057.149.847 đồng
 - Số kiểm toán: 111.465.423.748 đồng
 - Chênh lệch tăng: 408.273.901 đồng
- Nguyên nhân:*
- + Do tăng khoản phí bảo lãnh phải trả TCT Sông Đà: 127.023.429 đồng
 - + Do xác định bổ sung quỹ tiền lương phải trả: 191.200.000 đồng
 - + Do tăng chi phí y tế, an ninh tại công trình Lai Châu: 90.050.472 đồng
6. Chi phí khác (mã số 32) tăng:
- Số đã công bố: 4.737.692.681 đồng
 - Số kiểm toán: 4.769.355.271 đồng
 - Chênh lệch tăng: 31.662.590 đồng

Nguyên nhân:

+ Do tăng khoản phạt chậm nộp thuế phải nộp tại công trình Sơn La: 39.037.975 đồng

+ Do giảm khoản phạt chậm nộp BHXH: 7.375.367 đồng

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mã số 51) giảm:

- Số đã công bố: 25.724.049.037 đồng

- Số kiểm toán: 24.827.052.551 đồng

- Chênh lệch giảm: 896.996.486 đồng

Nguyên nhân: Do giảm lợi nhuận khi điều chỉnh các khoản đã nêu như trên.

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52) tăng:

- Số đã công bố: 0 đồng

- Số kiểm toán: 4.213.981.911 đồng

- Chênh lệch tăng: 4.213.981.911 đồng

Nguyên nhân: Do xác định thuế thu nhập hoãn lại khoản trích dự phòng đầu tư của Công ty mẹ đầu tư vào Công ty con.

9. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (mã số 61) tăng:

- Số đã công bố: 76.932.541.473 đồng

- Số kiểm toán: 92.197.984.218 đồng

- Chênh lệch tăng: 15.265.442.745 đồng

Nguyên nhân: Do loại trừ khoản trích lập dự phòng đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con và các khoản điều chỉnh đã nêu ở trên.

A.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Lợi nhuận trước thuế (mã số 01) tăng:

- Số đã công bố: 91.578.205.688 đồng

- Số kiểm toán: 110.160.633.858 đồng

- Chênh lệch tăng: 18.582.428.170 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh tăng giảm các khoản thuộc mục A.2 - Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (mã số 08) tăng:

- Số đã công bố: 259.220.320.476 đồng

- Số kiểm toán: 278.505.241.293 đồng

- Chênh lệch tăng: 19.284.920.817 đồng

3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 20) tăng:

- Số đã công bố: - 150.600.723.158 đồng

- Số kiểm toán: - 143.516.832.249 đồng

- Chênh lệch tăng: 7.083.890.909 đồng

4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (mã số 30) giảm:

- Số đã công bố:	93.155.268.710 đồng
- Số kiểm toán:	86.071.377.801 đồng
- Chênh lệch giảm:	7.083.890.909 đồng

Nguyên nhân: Trình bày lại một số chỉ tiêu theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

PHẦN B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CTCP SÔNG ĐÀ 10 - CÔNG TY MẸ

B.1 Bảng cân đối kế toán:

I. Tổng tài sản tăng:

- Số đã công bố:	2.411.268.215.457 đồng
- Số kiểm toán:	2.411.406.994.619 đồng
- Chênh lệch tăng:	138.779.162 đồng

Tổng tài sản tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Các khoản phải thu ngắn hạn (mã số 130) tăng:

- Số đã công bố:	1.302.121.414.831 đồng
- Số kiểm toán:	1.302.128.790.198 đồng
- Chênh lệch tăng:	7.375.367 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khoản tiền chậm nộp BHXH năm 2016.

2. Tài sản ngắn hạn khác (mã số 150) tăng:

- Số đã công bố:	4.967.182.405 đồng
- Số kiểm toán:	5.390.331.096 đồng
- Chênh lệch tăng:	423.148.691 đồng

Nguyên nhân:

* *Tăng:* 2.469.260.920 đồng

+ Do điều chỉnh thuế GTGT phải nộp vào NSNN từ mã số 153 sang mã số 152 số tiền: 2.046.112.229 đồng.

+ Do xác định bổ sung chi phí y tế công trình 4.918.903 đồng.

+ Do điều chỉnh thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (mã số 153) sang mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313) số tiền: 418.229.788 đồng.

* *Giảm:* 2.046.112.229 đồng

+ Do điều chỉnh thuế GTGT phải nộp vào NSNN từ mã số 153 sang mã số 152 số tiền: 2.046.112.229 đồng

3. Tài sản dài hạn (mã số 200) giảm:

- Số đã công bố:	401.054.324.040 đồng
- Số kiểm toán:	400.762.579.144 đồng
- Chênh lệch giảm:	291.744.896 đồng

Nguyên nhân:

- + Do tăng nguyên giá TSCĐ(mã số 222): 155.200.000 đồng
- + Do tăng giá trị hao mòn (mã số 223): 23.280.000 đồng
- + Do tăng dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (mã số 254): 423.664.896 đồng

II. Tổng nguồn vốn tăng:

- Số đã công bố: 2.411.268.215.457 đồng
- Số kiểm toán: 2.411.406.994.619 đồng
- Chênh lệch tăng: 138.779.162 đồng

Tổng nguồn vốn tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311) tăng:

- Số đã công bố: 408.662.409.199 đồng
- Số kiểm toán: 408.884.402.003 đồng
- Chênh lệch tăng: 221.992.804 đồng

Nguyên nhân:

- + Do tăng khoản phí bảo lãnh phải trả TCT Sông Đà: 127.023.429 đồng
- + Do tăng chi phí y tế, an ninh tại công trình Lai Châu: 94.969.375 đồng.

2. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (mã số 313) giảm:

- Số đã công bố: 38.342.996.467 đồng
- Số kiểm toán: 37.903.267.726 đồng
- Chênh lệch giảm: 439.728.741 đồng

Nguyên nhân:

*** Tăng: 457.267.745 đồng**

+ Do điều chỉnh thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (mã số 153) sang mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313) số tiền: 418.229.788 đồng.

+ Do tăng khoản thuế phải nộp tại công trình Sơn La: 39.037.975 đồng

*** Giảm: 896.996.486 đồng, do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp**

3. Phải trả người lao động (mã số 314) tăng:

- Số đã công bố: 66.633.814.793 đồng
- Số kiểm toán: 68.580.814.793 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.947.000.000 đồng

Nguyên nhân: Do xác định bổ sung quỹ tiền lương năm 2016

4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) giảm:

- Số đã công bố: 81.601.083.776 đồng
- Số kiểm toán: 80.010.598.875 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.590.484.901 đồng

Nguyên nhân:

+ Do giảm lợi nhuận: 2.487.481.387 đồng

+ Do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 896.996.486 đồng

B.2 Báo cáo kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận trước thuế đã công bố: 103.046.495.578 đồng

Lợi nhuận trước thuế đã kiểm toán: 100.559.014.191 đồng

Chênh lệch giảm: 2.487.481.387 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh tăng, giảm các khoản như sau:

1. Giá vốn hàng bán (mã số 11) tăng:

- Số đã công bố: 1.104.059.750.902 đồng

- Số kiểm toán: 1.105.683.630.902 đồng

- Chênh lệch tăng: 1.623.880.000 đồng

Nguyên nhân:

* Tăng: Do xác định bổ sung chi phí tiền lương: 1.755.800.000 đồng

* Giảm: Do giảm chi phí SX chung trong kỳ: 131.920.000 đồng

2. Chi phí tài chính (mã số 22) tăng:

- Số đã công bố: 64.444.337.261 đồng

- Số kiểm toán: 64.868.002.157 đồng

- Chênh lệch tăng: 423.664.896 đồng

Nguyên nhân: Do trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 26) tăng:

- Số đã công bố: 89.255.093.436 đồng

- Số kiểm toán: 89.663.367.337 đồng

- Chênh lệch tăng: 408.273.901 đồng

Nguyên nhân:

+ Do tăng khoản phí bảo lãnh phải trả TCT Sông Đà: 127.023.429 đồng

+ Do xác định bổ sung quỹ tiền lương: 191.200.000 đồng

+ Do tăng chi phí y tế, an ninh tại công trình Lai Châu: 90.050.472 đồng

4. Chi phí khác (mã số 32) tăng:

- Số đã công bố: 4.532.428.036 đồng

- Số kiểm toán: 4.564.090.626 đồng

- Chênh lệch tăng: 31.662.590 đồng

Nguyên nhân:

+ Do tăng khoản phạt chậm nộp thuế phải nộp tại công trình Sơn La: 39.037.975 đồng

+ Do giảm khoản phạt chậm nộp BHXH: 7.375.367 đồng

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 51) giảm:

- Số đã công bố: 21.923.657.926 đồng

- Số kiểm toán: 21.026.661.440 đồng

- Chênh lệch giảm: 896.996.486 đồng

Nguyên nhân: Do giảm lợi nhuận khi điều chỉnh các khoản đã nêu như trên dẫn đến giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

B.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Lợi nhuận trước thuế (mã số 01) giảm:

- Số đã công bố: 103.046.495.578 đồng
- Số kiểm toán: 100.559.014.191 đồng
- Chênh lệch giảm: 2.487.481.387 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh tăng giảm các khoản thuộc mục B.2 - Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ.

2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (mã số 08) giảm:

- Số đã công bố: 204.028.485.365 đồng
- Số kiểm toán: 201.987.948.874 đồng
- Chênh lệch giảm: 2.040.536.491 đồng

3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 20) tăng:

- Số đã công bố: - 142.802.402.190 đồng
- Số kiểm toán: - 139.822.747.762 đồng
- Chênh lệch tăng: 2.979.654.428 đồng

4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (mã số 30) giảm:

- Số đã công bố: 98.560.733.457 đồng
- Số kiểm toán: 95.581.079.029 đồng
- Chênh lệch giảm: 2.979.654.428 đồng

Nguyên nhân: Trình bày lại một số chỉ tiêu theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Kính đề nghị Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin cho các nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Sông Đà 10 xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/cáo)
- Lưu SD10 *Quát*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Bản